THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **35**/2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2017

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 2466
Ngày: 28/7/17
Chuyển: VX

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, như sau:

1. Điểm đ khoản 1 Điều 3 được sửa đổi như sau:

"đ) Bồi dưỡng sức khỏe: Mức 500.000 đồng/người (không quá 02 lần/năm)".

2. Điểm b, điểm c và điểm đ khoản 2 Điều 3 được sửa đổi như sau:

"b) Bồi dưỡng trực tiếp làm nhiệm vụ khảo sát, cất bốc, quy tập hài cốt liệt sĩ: Mức 220.000 đồng/người/ngày thực tế làm nhiệm vụ. Trong thời gian làm nhiệm vụ nếu hưởng tiền bồi dưỡng thì thôi hưởng chế độ công tác phí;

c) Bồi dưỡng sức khỏe: Mức 500.000 đồng/người (không quá 02 lần/năm);

đ) Được cấp trang phục chuyên dùng bằng hiện vật theo quy định tại Phụ lục I, ban hành kèm theo Quyết định này".

3. Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi như sau:

"1. Chế độ sinh hoạt phí: Mức 220.000 đồng/người/ngày thực tế khi trực tiếp đi kiểm tra, chỉ đạo công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở trong nước và ngoài nước. Trường hợp hưởng chế độ sinh hoạt phí thì không hưởng chế độ phụ cấp lưu trú theo quy định đối với cán bộ, công chức đi công tác trong nước".

4. Điểm a khoản 1 Điều 5 được sửa đổi như sau:

"a) Mức 220.000 đồng/người/ngày thực tế được huy động làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở trong nước và ngoài nước".

5. Điểm a khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"a) Được bồi dưỡng mức 3.000.000 đồng đối với thông tin chính xác, tìm kiếm, quy tập được 01 hài cốt liệt sĩ; mức 5.000.000 đồng đối với thông tin chính xác, tìm kiếm, quy tập được mộ tập thể có từ 02 đến 05 hài cốt liệt sĩ; mức 10.000.000 đồng đối với thông tin chính xác, tìm kiếm, quy tập được mộ tập thể có từ 06 hài cốt liệt sĩ trở lên".

6. Khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Các đội tìm kiếm, quy tập làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở trong nước và ngoài nước được bảo đảm:

a) Trang bị, phương tiện chuyên dụng, hậu cần, đời sống theo quy định tại Phụ lục II, ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Chi bảo đảm xăng dầu;

c) Kinh phí làm nhà tạm mức 150.000.000 đồng/nhà/đội;

d) Chi cất bốc mộ liệt sĩ có hài cốt mức 1.000.000 đồng/mộ;

đ) Chi sửa chữa, thay thế phụ tùng ô tô mức 40.000.000 đồng/xe/năm;

e) Chi hỗ trợ cho Ban công tác đặc biệt, Ban chuyên trách cấp tỉnh của Bạn làm lễ tiễn hài cốt liệt sĩ mức 30.000.000 đồng/lần, không quá 02 lần/năm;

g) Chi hỗ trợ vận động nhân dân nước Bạn mức 30.000.000 đồng/đội/năm đối với một tỉnh Bạn;

h) Chi mua thuốc phòng và chữa bệnh thông thường mức 20.000.000 đồng/đội/năm (ngoài nguồn thuốc Bộ Quốc phòng cấp theo chế độ);

i) Chi mua quà đối ngoại khi sang nước Bạn phối hợp triển khai nhiệm vụ mức 30.000.000 đồng/lần, không quá 02 lần/đội/năm đối với một tỉnh Bạn;

k) Chi thanh toán viện phí, vận chuyển bệnh nhân; mua thiết bị lọc nước; lệ phí hộ chiếu, các phí, lệ phí khác; thuê phương tiện, đền bù thiệt hại về công trình, cây cối, hoa màu (nếu có) trong quá trình làm nhiệm vụ;

l) Chi mua dụng cụ phục vụ đào bới (cuốc, xẻng, xà beng, dao, rựa và các vật dụng khác) mức 10.000.000 đồng/đội/năm".

7. Điểm a khoản 2 Điều 7 được sửa đổi như sau:

"a) Trang bị, phương tiện thực hiện theo quy định tại Phụ lục III, ban hành kèm theo Quyết định này".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 9 năm 2017.

2. Những trang phục chuyên dùng bằng hiện vật đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng biên chế ở các đội tìm kiếm, quy tập; trang bị, phương tiện chuyên dụng, hậu cần, đời sống bảo đảm cho đội tìm kiếm, quy tập; trang bị, phương tiện bảo đảm cho Ban chỉ đạo, Ban công tác đặc biệt, Ủy ban chuyên trách, Văn phòng, cơ quan Thường trực, cơ quan chuyên môn các cấp quy định trong Phụ lục I, II và Phụ lục III, ban hành kèm theo Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg vẫn còn niên hạn sử dụng, được áp dụng thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, II và Phụ lục III, ban hành kèm theo Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng điều chỉnh, quản lý, sử dụng bảo đảm chặt chẽ, đúng mục đích, có hiệu quả đối với xe ô tô UOAT, xe Xitec chở xăng dầu đã cấp theo Phụ lục II, ban hành kèm theo Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg, nay không còn trang bị cho các Đội tìm kiếm, quy tập theo Phụ lục II, ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 66/2014/TTLT-BQP-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có tránh nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo quốc gia 1237;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia 1237;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 205

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

DANH MỤC TRANG PHỤC CHUYÊN DÙNG BẰNG HIỆN VẬT ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG BIÊN CHẾ Ở CÁC ĐỘI TÌM KIẾM, QUY TẬP

(Kèm theo Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Đối tượng làm nhiệm vụ ở trong nước

TT	Mặt hàng	Số lượng	Niên hạn
01	Võng KapoRông + dây	01 cái	03 năm
02	Tăng Vininon	01 cái	02 năm
03	Giầy vải cao cổ màu xanh	02 đôi	01 năm
04	Ủng cao su	01 đôi	01 năm
05	Bít tất	02 đôi	01 năm
06	Găng tay bảo hộ lao động	05 đôi	01 năm
07	Khẩu trang	10 cái	01 năm
08	Quần áo bảo hộ lao động	02 bộ	01 năm
09	Găng tay cao su	05 đôi	01 năm

2. Đối tượng làm nhiệm vụ ở ngoài nước

Đối tượng	Mặt hàng	Số lượng	Niên hạn
Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp	Quần áo ký giả	01 bộ	03 năm
	Quần áo thường phục	01 bộ	01 năm
	Quần áo bảo hộ lao động	02 bộ	01 năm
Công nhân, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ	Quần áo thường phục	02 bộ	01 năm
	Quần áo bảo hộ lao động	02 bộ	01 năm

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ	Áo ấm	01 cái	02 năm
	Giầy da thường phục	01 đôi	01 năm
	Giầy vải	02 đôi	01 năm
	Ủng cao su	01 đôi	01 năm
	Dép lê nhựa	01 đôi	01 năm
	Mũ mềm	02 cái	01 năm
	Bít tất	02 đôi	01 năm
	Găng tay bảo hộ lao động	05 đôi	01 năm
	Găng tay cao su	05 đôi	01 năm
	Khẩu trang	10 cái	01 năm
	Tăng Vininon	01 cái	01 năm
	Võng KapoRông + dây	01 cái	03 năm
	Quần áo mưa	01 bộ	01 năm
	Túi du lịch thay ba lô	01 cái	02 năm
	Bi-đông 1lít + ca	01 cái	04 năm

Phụ lục II

DANH MỤC TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DỤNG, HẬU CẦN, ĐỜI SỐNG BẢO ĐẢM CHO ĐỘI TÌM KIẾM, QUY TẬP

(Kèm theo Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên trang bị	Đơn vị tính	Số lượng/đội	Niên hạn
A	**Xe ô tô, xe mô tô**			
01	Xe ô tô tải loại 3,5 tấn (hai cầu)	Chiếc	02	
02	Xe ô tô tải loại 1,5 tấn (hai cầu)	Chiếc	02	
03	Xe ô tô cứu thương	Chiếc	01	
04	Xe ô tô chỉ huy (hai cầu, gầm cao)	Chiếc	01	
05	Xe ô tô bán tải chở hài cốt (hai cầu, gầm cao)	Chiếc	02	
06	Xe mô tô	Chiếc	05	
B	**Phương tiện chuyên dụng**			
01	Máy xúc, đào, ủi, gạt đa năng	Chiếc	01	
02	Ra đa xuyên đất	Chiếc	01	
03	Máy dò mìn	Chiếc	01	
04	Máy định vị	Chiếc	01	
05	Máy Camera nhìn nước dò tìm	Chiếc	01	
C	**Phương tiện phục vụ thông tin tuyên truyền**			
01	Máy Camera kỹ thuật số	Chiếc	01	05 năm
02	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	01	05 năm
03	Laptop + Máy in	Bộ	01	05 năm

D	**Phương tiện hậu cần, đời sống**			
01	Nhà tạm	Nhà	01	05 năm
02	Máy phát điện 3,5 KW	Chiếc	01	05 năm
03	Ti vi	Chiếc	01	05 năm
04	Rađio	Chiếc	01	05 năm
05	Máy lọc nước	Chiếc	01	03 năm
06	Nhà bạt Tiểu đội	Nhà	03	03 năm
07	Téc Inox đựng nước	Chiếc	01	05 năm
08	Bàn ghế xếp	Bộ	01	03 năm
09	Phản gỗ/người	Chiếc	01	02 năm
10	Xô xách nước	Chiếc	07	02 năm
11	Chậu giặt	Chiếc	07	02 năm
12	Thùng gánh nước	Đôi	03	02 năm
13	Đèn bão	Chiếc	07	02 năm
14	Can nhựa loại 20 lít	Chiếc	05	02 năm
15	Can gùi loại 17 lít	Chiếc	03	02 năm
16	Dây điện	Mét	50	03 năm
17	Dụng cụ nấu	Bộ	Chủng loại, số lượng, niên hạn theo biên chế của từng đội	
18	Dụng cụ chia	Bộ		
Đ	**Vật chất xăng dầu**			
01	Phuy đựng xăng (200 lít)	Chiếc	03	03 năm
02	Bình bọt chữa cháy	Bình	02	03 năm

Phụ lục III

DANH MỤC TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN BẢO ĐẢM CHO BAN CHỈ ĐẠO, BAN CÔNG TÁC ĐẶC BIỆT, ỦY BAN CHUYÊN TRÁCH, VĂN PHÒNG, CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC, CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CÁC CẤP

(Kèm theo Quyết định số 35/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị/01 đơn vị		
			Văn phòng Ban chỉ đạo, Cơ quan Thường trực, Cơ quan chuyên môn		
			BQP	Quân khu	Cấp tỉnh
1	Xe ô tô chỉ huy (hai cầu, gầm cao)	Chiếc	02	01	01
2	Xe ô tô 16 chỗ	Chiếc	01	01	0
3	Laptop + Máy in đồng bộ	Bộ	10	02	02
4	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	01	01	01
5	Đèn chiếu	Chiếc	01	01	01
6	Máy Camera kỹ thuật số	Chiếc	01	01	01
7	Máy Photocopy	Chiếc	01	01	01
8	Máy điện thoại	Chiếc	01	01	01
9	Máy Fax	Chiếc	01	01	01
10	Bàn ghế làm việc	Bộ	10	04	04
11	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	10	05	05

** Tùy theo khả năng bố trí kinh phí hàng năm để trang bị từng bước cho phù hợp./.*